TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Tố T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa ông Phan Văn P trình bày: Vào năm 2010, ông và bà Đặng Tố T chung sống như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Ông và bà Đặng Tố T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2018. Từ đó cuộc sống của vợ không hòa hợp, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, nên ông yêu cầu ly hôn bà Đặng Tố T. Con chung, có một người tên là Đặng Vạn L, sinh ngày 29/10/2011, hiện đang do bà Đặng Tố T nuôi dưỡng. Nay ông yêu cầu giao một người con chung cho bà Đặng Tố T nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con với mức

cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa bà Đặng Tố T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Phan Văn P về thời gian bà và ông Phan Văn P chung sống với nhau như vợ chồng và việc không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung với nhau, ông Phan Văn P yêu cầu ly hôn bà thì bà đồng ý. Về con chung có một người tên là Đặng Vạn L đúng như ông Phan Văn P đã khai. Bà đồng ý chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2010, ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T là không hợp pháp, nay xét không công nhận ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có 01 người tên là Đặng Vạn L, sinh ngày 29/10/2011, hiện đang sống cùng với bà Đặng Tố T. Ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T thống nhất thỏa thuận giao một người con chung cho bà Đặng Tố T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Đồng thời Đặng Vạn L cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà Đặng Tố T. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con ông Phan Văn P phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; 14; 53; 81; 82, 83, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không công nhận ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Phan Văn P và bà Đặng Tố T như sau: Bà Đặng Tố T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Đặng Vạn L (giới tính nam), sinh ngày 29/10/2011. Ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 12/6/2019 cho đến khi Đặng Vạn L đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Phan Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phan Văn P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019085 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông Phan Văn P phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời